

THÔNG BÁO
phối hợp tuyển sinh các ngành đào tạo giáo viên,
hình thức đào tạo vừa làm vừa học năm 2026

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông báo số 2900/TB-ĐHĐT ngày 21/5/2026 của Trường Đại học Đồng Tháp tuyển sinh các ngành đào tạo giáo viên hình thức vừa làm vừa học năm 2026.

Trường Cao đẳng Kon Tum phối hợp với Trường Đại học Đồng Tháp thông báo tuyển sinh trình độ đại học các ngành đào tạo giáo viên, hình thức đào tạo vừa làm vừa học năm 2026, cụ thể như sau:

I. NGÀNH TUYỂN SINH

TT	Mã ngành	Tên ngành	Loại hình đào tạo			
			Liên thông		Văn bằng hai	Vừa làm vừa học (thí sinh THPT)
			Trung cấp lên đại học	Cao đẳng lên đại học		
1.	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên		X	X	X
2.	7140249	Sư phạm Lịch sử và Địa lý		X	X	X
3.	7140206	Giáo dục Thể chất	X	X	X	X
4.	7140209	Sư phạm Toán học		X	X	X
5.	7140210	Sư phạm Tin học		X	X	X
6.	7140246	Sư phạm Công nghệ		X	X	X
7.	7140231	Sư phạm Tiếng Anh		X	X	X

*** Ghi chú:** Dấu X thể hiện ngành có tuyển sinh theo loại hình đào tạo tương ứng.

II. THÔNG TIN TUYỂN SINH

1. Đối tượng tuyển sinh và nguồn tuyển

1.1. Đối tượng tuyển sinh

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT, trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành, nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

c) Người dự tuyển thuộc đối tượng quy định tại điểm a hoặc điểm b của tiêu mục này và có thêm bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp; cao đẳng; đại học (đúng chuyên ngành, cùng nhóm ngành hoặc khác nhóm ngành đào tạo).

1.2. Điều kiện dự tuyển

a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Phần III của Thông báo này.

b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

c) Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các giấy tờ và phí dự tuyển theo quy định.

1.3. Nguồn tuyển sinh

Nguồn xét tuyển vào chương trình đào tạo trình độ đại học là thí sinh có tổng điểm 3 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) các năm theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30, áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp từ năm 2026.

2. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển; xét tuyển kết hợp thi tuyển.

3. Danh sách tổ hợp môn xét tuyển (3 môn) ứng với ngành đào tạo do thí sinh đăng ký: Phụ lục đính kèm.

III. NGƯỠNG ĐẦU VÀO CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên khác nhóm ngành đào tạo giáo viên

1.1. Ngưỡng đầu vào đối với chương trình đào tạo giáo viên, sử dụng phương thức tuyển sinh theo kết quả thi tốt nghiệp THPT, trung học nghề được quy định hằng năm do Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định và ban hành.

1.2. Ngưỡng đầu vào đối với phương thức tuyển sinh không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc phương thức tuyển sinh kết hợp, thí sinh phải đạt ngưỡng đầu vào đối với chương trình đào tạo giáo viên áp dụng tại tiêu mục 1.1, khoản 1, Phần III của Thông báo này hoặc:

a) Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 2 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 3 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 18,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt

ng nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên, trừ các trường hợp quy định tại điểm b tiêu mục này.

b) Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT đạt 16,50 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (trung học nghề) từ 6,50 trở lên đối với các chương trình đào tạo Giáo dục thể chất.

2. Thí sinh dự tuyển ngành Giáo dục Thể chất có điểm thi năng khiếu do Trường Đại học Đồng Tháp tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9,0 trở lên theo thang điểm 10,0): không phải áp dụng ngưỡng đầu vào.

3. Thí sinh đã tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên cùng nhóm ngành đào tạo giáo viên dự tuyển trình độ đại học được áp dụng quy định ngưỡng đầu vào như sau:

a) Đối với thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo giáo viên trừ các trường hợp quy định tại điểm b tiêu mục này, ngưỡng đầu vào được áp dụng một trong các tiêu chí sau:

- Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8,00 trở lên theo thang điểm 10;

- Tốt nghiệp THPT loại giỏi trở lên hoặc kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) và có 03 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

- Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học đạt loại giỏi trở lên;

- Tốt nghiệp trình độ trung cấp hoặc trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.

b) Đối với thí sinh dự tuyển vào đại học Giáo dục Thể chất ngưỡng đầu vào được áp dụng một trong các tiêu chí sau:

- Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 6,50 trở lên theo thang điểm 10;

- Tốt nghiệp THPT, trung học nghề loại khá hoặc có kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức đạt (học lực xếp loại trung bình) và có 5 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

- Tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, trình độ đại học đạt loại khá trở lên.

4. Đối với người đã trúng tuyển hoặc đã tốt nghiệp các ngành đào tạo giáo viên trước ngày 07 tháng 5 năm 2020: Nếu dự tuyển vào học đại học để đạt trình độ chuẩn, ngưỡng đầu vào là thí sinh xếp hạng tốt nghiệp từ loại trung bình trở lên.

IV. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

1. Thời gian đào tạo (người học có thể đăng ký học vượt để được tốt nghiệp sớm hơn thời gian quy định).

TT	Đối tượng tuyển sinh	Thời gian đào tạo
1	Từ trung cấp đúng chuyên ngành lên đại học	3,0 năm
2	Từ trung cấp cùng nhóm ngành lên đại học	3,5 năm
3	Từ trung cấp khác nhóm ngành lên đại học	4,0 năm
4	Từ cao đẳng đúng chuyên ngành lên đại học	2,0 năm
5	Từ cao đẳng cùng nhóm ngành lên đại học	2,5 năm
6	Từ cao đẳng khác nhóm ngành lên đại học	3,0 năm
7	Văn bằng hai đại học (cùng nhóm ngành)	2,5 năm
8	Văn bằng hai đại học (khác nhóm ngành)	3,0 năm
9	Tốt nghiệp trung học phổ thông (ĐH)	4,0 năm

2. Tổ chức lớp học

Trường Đại học Đồng Tháp tổ chức dạy học linh hoạt các buổi học của các ngày trong tuần và thứ Bảy, Chủ nhật bằng hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến.

V. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ, HÌNH THỨC NỘP HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

Mỗi thí sinh làm 2 hồ sơ tuyển sinh theo mẫu quy định, trong đó, mỗi hồ sơ gồm có:

- 1 phiếu đăng ký dự tuyển có dán ảnh 4x6 và có xác nhận của cơ quan quản lý đồng ý cho đi học (có mẫu phiếu đăng ký kèm theo).
- 1 bản photo có công chứng thẻ căn cước hoặc căn cước công dân.
- 1 bản photo có công chứng văn bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp; cao đẳng; đại học.
- 2 bản photo có công chứng bảng điểm toàn khóa trình độ trung cấp; cao đẳng; đại học.
- 1 bản photo có công chứng bằng tốt nghiệp THPT.
- 1 bản photo có công chứng học bạ THPT.

2. Hình thức nộp hồ sơ: Thí sinh chuẩn bị đầy đủ hồ sơ quy định tại mục 1 phần V, đến nộp tại phòng Quản lý Đào tạo và Bảo đảm chất lượng, Trường

Cao đẳng Kon Tum (hoặc qua đường bưu điện). Địa chỉ: Số 14 Ngụy Như Kon Tum, phường Đăk Cẩm, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đăng ký trực tuyến tại:

<https://tuyensinh.cdkontum.edu.vn/vi/nvform/Dang-ky-xet-tuyen-DHDT-nganh-DTGV-nam-2026-31/>

VI. LỆ PHÍ TUYỂN SINH

1. **Định mức:** 450.000đ/thí sinh.

2. **Hình thức nộp phí tuyển sinh:** Thí sinh thực hiện nộp lệ phí tuyển sinh về Trường Đại học Đồng Tháp theo thông tin sau:

- Số tài khoản: **667919393939**

- Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp (PVcomBank).

- Cú pháp thực hiện: *ví dụ thí sinh tên Bình*

[Số CCCD] [Tên thí sinh] [số điện thoại] - PTS

Ví dụ: 08700000000X BINH 09XXXXXXXXX - PTS

Lưu ý: Trường Đại học Đồng Tháp không hoàn trả phí tuyển sinh và hồ sơ dự tuyển sau khi thí sinh đã hoàn tất việc nộp hồ sơ dự tuyển, vì vậy thí sinh cần nhắc kỹ trước khi đăng ký dự tuyển.

VII. HỌC PHÍ ĐÀO TẠO

1. Học phí: **16.500.000đ/sinh viên/năm**. Mức học phí này áp dụng chung đối với các lớp sinh viên cùng đối tượng tuyển sinh của cùng ngành đào tạo có tổng số số từ 20 người trở lên và sẽ được **cố định toàn khóa học**. Trường hợp số ít hơn 20 người, Nhà trường sẽ tăng mức thu học phí theo quy định.

2. Thí sinh trúng tuyển sẽ nộp học phí học kỳ I về tài khoản của Trường Đại học Đồng Tháp trong thời gian 2 tuần sau khi nhận thông báo trúng tuyển (Trường Đại học Đồng Tháp có văn bản hướng dẫn riêng).

3. Để ổn định quy mô lớp học, Trường Đại học Đồng Tháp không hoàn trả học phí học kỳ I cho sinh viên sau khi đã hoàn tất thủ tục nhập học; nếu có nguyện vọng, sinh viên sẽ được chuyển kết quả tuyển sinh sang các đợt xét tuyển tiếp theo của năm 2026.

VIII. CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI

Giảm 5% học phí toàn khóa cho sinh viên vừa làm vừa học trúng tuyển năm 2026 nếu đóng học phí toàn khóa 1 lần trong học kỳ đầu tiên của khóa học.

IX. TỔ CHỨC TUYỂN SINH VÀ KHAI GIẢNG

1. **Thí sinh nộp hồ sơ:** Trước ngày 01 các tháng xét tuyển.

2. **Xét tuyển vào các tháng:** Tháng 6, 8, 9, 10, 12 năm 2026.

3. **Tổ chức khai giảng/sinh hoạt quy chế:** Trường Đại học Đồng Tháp

công bố lịch khai giảng/làm thủ tục nhập học và sinh hoạt quy chế trước ngày 10 của tháng sau, sau khi tổ chức xét tuyển.

Mọi vướng mắc liên hệ phòng Quản lý Đào tạo và Bảo đảm chất lượng, Trường Cao đẳng Kon Tum.

Địa chỉ: Số 14 Ngự Như Kon Tum, phường Đăk Cấm, tỉnh Quảng Ngãi.

Điện thoại: 0935758779 (Ông Trần Đình Lưu) - Hotline: 0846864929

Trường Cao đẳng Kon Tum kính đề nghị Quý cơ quan, đơn vị, cá nhân quan tâm phổ biến rộng rãi, để người có nhu cầu biết, đăng ký theo học.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị của tỉnh;
- Các Trường THPT, Phổ thông DTNT;
- Các trường THCS, Tiểu học, Mầm non;
- Các Trung tâm GDNN-GDTX;
- UBND các xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh;
- Lãnh đạo Trường;
- Trường Đại học Đồng Tháp;
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Đăng Website Trường;
- Lưu: VT, QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Trí Khải

Phụ lục
DANH SÁCH NGÀNH VÀ TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN

1. Ngành tuyển sinh và mã tổ hợp xét tuyển

TT	Mã xét tuyển/ Mã ngành	Tên chương trình/ Tên ngành	Môn chính	Mã tổ hợp xét tuyển
1.	7140206	Giáo dục Thể chất	NK TDTT	T06, T00, T03, T01, T15, T02
2.	7140209	Sư phạm Toán học	Toán	A00, A01, A02, C01, C02, D01
3.	7140210	Sư phạm Tin học	Toán	X02, X06, A00, A01, C01, D01
4.	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh	D01, D13, D14, D15
5.	7140246	Sư phạm Công nghệ	Toán	A00, A01, A02, X03, X04, X07, X08, X27, X28
6.	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Toán	A00, A01, A02, B00, B08, D07
7.	7140249	Sư phạm Lịch sử và Địa lý	Ngữ văn	C00, C03, C04, X70, X74, D14, D15

2. Tổ hợp môn xét tuyển

STT	Mã Tổ hợp	Tổ hợp môn
1	A00	Toán, Vật lí, Hóa học
2	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh
3	A02	Toán, Vật lí, Sinh học
4	B00	Toán, Hóa học, Sinh học
5	B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn
6	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí
7	C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí
8	C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học
9	C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử
10	C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí
11	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
12	D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh
13	B08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh
14	D13	Ngữ văn, Sinh học, Tiếng Anh
15	D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
16	D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh

STT	Mã Tổ hợp	Tổ hợp môn
17	H00	Ngữ văn, Trang trí, Hình họa
18	H07	Toán, Trang trí, Hình họa
19	M00	Ngữ văn, Toán, NK GDMN
20	M05	Ngữ văn, Lịch sử, NK GDMN
21	N00	Ngữ văn, Hát, Thẩm âm-Tiết tấu
22	N01	Toán, Hát, Thẩm âm-Tiết tấu
23	T00	Toán, Sinh học, NK TDTT
24	T01	Ngữ văn, Toán, NK TDTT
25	T02	Ngữ văn, Sinh học, NK TDTT
26	T03	Ngữ văn, Địa lí, NK TDTT
27	T06	Toán, Địa lí, NK TDTT
28	T15	Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, NK TDTT
29	X01	Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật
30	X02	Toán, Ngữ văn, Tin học
31	X03	Toán, Ngữ văn, Công nghệ công nghiệp
32	X04	Toán, Ngữ văn, Công nghệ nông nghiệp
33	X06	Toán, Vật lí, Tin học
34	X07	Toán, Vật lí, Công nghệ công nghiệp
35	X08	Toán, Vật lí, Công nghệ nông nghiệp
36	X27	Toán, Công nghệ công nghiệp, Tiếng Anh
37	X28	Toán, Công nghệ nông nghiệp, Tiếng Anh
38	X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật
39	X74	Ngữ văn, Địa lí, Giáo dục Kinh tế và pháp luật